

Số: /QĐ-UBND

Lý Sơn, ngày tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU LÝ SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND đặc khu ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện đặc khu Lý Sơn nhiệm kỳ 2021-2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 17/TTr-PVHXXH ngày 28/7/2025, và ý kiến thống nhất của cơ quan đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND đặc khu; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Thường trực Đảng ủy đặc khu (b/cáo);
- Thường trực HĐND đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Cơ quan UBMTTQVN đặc khu;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy;
- Các phòng, ban, ngành trên địa bàn;
- VP: CVP, PCVP, CV;
- Công TTĐT đặc khu;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Huy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU LÝ SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ,
Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và
Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực
hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá
phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND đặc khu)

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động) với những nội dung chủ yếu sau như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP) và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 359-KH/TU); Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây gọi tắt là Quyết định 327*); Kế hoạch số 04-KH/ĐU ngày 14/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 04*).

- Xác định nhiệm vụ cụ thể để các phòng, ban, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 359-KH/TU, Quyết định 327/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Kế hoạch số 04-KH/ĐU phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Yêu cầu

- Các thành viên Ban Chỉ đạo và người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ số, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn, huy động tối đa nguồn lực xã hội hóa phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương, thúc đẩy việc thực hiện công tác chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, thích ứng nhanh với biến đổi khí hậu, đảm bảo nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng, đủ sức tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trong thời gian tới.

2. CHỈ TIÊU (Có phụ lục kèm theo).

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân. Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của địa phương. Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Tuyên truyền, phổ biến tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...). Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

b) Hằng năm, các cơ quan, đơn vị chủ động lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo với các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo từng giai đoạn cụ thể 2025-2030; 2030-2035; 2035-2040; 2040-2045. Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề tài, dự án ứng dụng KH&CN; sáng kiến; dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số.... Kế hoạch cần phân công cụ thể cho các bộ, công chức, viên chức để tổ chức triển khai thực hiện.

c) Người đứng đầu phải cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức, viên chức.

d) Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội về lợi ích của việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào đời sống xã hội.

đ) Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị tham mưu UBND đặc khu có kế hoạch thường xuyên cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia; tham mưu UBND đặc khu xây dựng kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công

chức và Nhân dân. Phát động phong trào thi đua trong toàn đặc khu để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc dù nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Các phòng, ban, đơn vị thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, chính sách đặc thù về tài chính. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số.

b) Triển khai thực hiện tốt các quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn giai đoạn 2025 - 2045.

c) Từng bước tiếp cận ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình nhằm giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

d) Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Xây dựng kế hoạch đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 – 2030 và tầm nhìn đến 2045, trong đó ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 6, Điều 3, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tạo điều kiện để các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) trên địa bàn; tăng dung lượng kênh truyền internet cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước. Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

b) Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn,... để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin mạng.

c) Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

d) Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...

đ) Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội.

e) Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

g) Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng chiến lược bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ. Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng lý luận chính trị cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập.

b) Có giải pháp, lộ trình tăng cường đăng ký cán bộ, công chức đi đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao. triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, tiếp cận công nghệ sớm. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước.

c) Xây dựng chiến lược xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công, nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chiến lược về Chuyển đổi số, triển khai các cơ sở dữ liệu, hệ thống tin, các nền tảng số của tỉnh Quảng Ngãi từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045 bao gồm:

- Tập trung các hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước; tăng dần hàm lượng hoạt động của cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu; thường xuyên rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, thúc đẩy cải cách hành chính; tăng tỷ lệ liên thông dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, nhà nước, các đơn vị sự nghiệp giữa các cấp; phát triển hàm lượng và tần suất cung cấp dữ liệu cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế từ nguồn dữ liệu cơ quan nhà nước để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa phương, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Tăng tỷ lệ giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức và người dân thông qua môi trường số.

- Triển khai hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, nhà nước, xử lý phản ánh thông tin từ doanh nghiệp, tổ chức và công dân theo thời gian thực.

- Phát triển hạ tầng di động và internet trên địa bàn; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số và góp phần tăng trưởng tổng thu ngân sách theo địa bàn. Phát triển thanh toán số, tổ chức mô hình chợ trực tuyến để thúc đẩy kinh tế số; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số nhằm gia tăng giao dịch số và an toàn an ninh trong giao dịch của người dân; triển khai thường xuyên mô hình “bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình MOOCs; chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”.

- Đưa nội dung, chỉ tiêu về chuyển đổi số vào văn kiện đại hội đảng bộ đặc khu trong từng giai đoạn; xây dựng Kế hoạch thực hiện theo nhóm lĩnh vực, thực hiện tại từng ngành; thực hiện trên các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số; chính quyền số; kinh tế số và xã hội số; dữ liệu số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng; phát triển nông thôn thông minh, đô thị thông minh; y tế thông minh; giáo dục thông minh;.... phát triển ứng dụng các công nghệ mới như IoT, AI, Blockchain, Big Data,.... trong các ngành, lĩnh vực.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, phát triển các nền tảng số phục vụ thương mại, phục vụ cộng đồng; xây dựng công bố danh mục các hạng mục, dự án cần đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

b) Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo; Tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; Ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo.

c) Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng: Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn trên địa bàn.

đ) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

e) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến

khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

g) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (sản xuất, vận hành, marketing, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...); triển khai chương trình đo lường, xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo chương trình của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các chiến lược về Chuyển đổi số theo từng giai đoạn; bao gồm các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, dữ liệu số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

c) Triển khai các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên địa bàn.

d) Tiếp tục củng cố phát triển hạ tầng di động và internet; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số và góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện mô hình “bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình MOOCs; chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Kế hoạch hành động này, các phòng, ban, ngành, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện.

2. Các phòng, ban, ngành có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ, kế hoạch của tỉnh và của địa phương đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có

liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tham mưu điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch hành động này.

3. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo UBND đặc khu (*thông qua Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu*) kết quả thực hiện trước ngày 10 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND đặc khu, UBND tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo và đề xuất UBND đặc khu xem xét, kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả.

5. Phòng Kinh tế đặc khu chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Kế hoạch.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các phòng, ban, đơn vị chủ động đề xuất gửi Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp và báo cáo UBND đặc khu xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Quyết định ban hành Kế hoạch hành động số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND đặc khu)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ					Cơ quan, đơn vị chủ trì, tham mưu thực hiện	Cơ quan theo dõi đánh giá
			Đến hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045		
1	<i>Phát triển hạ tầng số</i>								
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	50	100	100	100	100	Viettel; VNPT Quảng Ngãi, chi nhánh Lý Sơn	Phòng Văn hóa - Xã hội
1.2	Tỷ lệ số người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	%	60	100	100	100	100	Viettel; VNPT Quảng Ngãi, chi nhánh Lý Sơn	Phòng Văn hóa - Xã hội
1.3	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	%	-	-	50	80	100	Viettel; VNPT Quảng Ngãi, chi nhánh Lý Sơn	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	<i>Phát triển nguồn lực số</i>								
2.1	Tỷ lệ % tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	%	0,5	≥ 1	≥1,5	≥2	≥2,5	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Văn phòng HĐND&UBND, các cơ quan, đơn vị liên

									quan
2.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của địa phương được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	≥80	≥100	≥100	≥100	≥100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, các đơn vị công nghệ, viễn thông
2,3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	75-80	100	100	100	100	Các phòng, ban, đơn vị thuộc đặc khu	
2.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	75-80	≥85	≥90	≥95	≥95	Bảo hiểm xã hội Lý Sơn; Trung tâm Y tế Quân - Dân y kết hợp; các Trường học trên địa bàn	Phòng Văn hóa - Xã hội
2.5	Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp học tập, tập huấn về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.	%	20	30	50	60	70	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu	
3	<i>Phát triển chuyển đổi số</i>								
3.1	Chỉ số chuyển đổi số của địa phương		≥ 0,60	≥ 0,75	≥ 0,85	≥ 0,92	đạt 1	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
3.2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới	%	≥ 70	100	100	100	100	Trung tâm phục vụ hành chính công đặc khu	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu

	hành chính giữa các cấp chính quyền.								
3.3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥ 70	100	100	100	100	Trung tâm phục vụ hành chính công đặc khu	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
3.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	≥ 80	≥ 95	100	100	100	Trung tâm phục vụ hành chính công đặc khu	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
3.5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	≥ 70	≥ 85	≥ 90	≥ 95	≥ 95	Trung tâm phục vụ hành chính công đặc khu	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
3.6	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu được số hóa	%	≥ 50	≥ 60	≥ 80	100	100		Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
4	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	50	55	60	70	100	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
5	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	60	90	100	100	100		Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
6	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử	%	≥ 60	≥ 90	100	100	100 (Các	Văn phòng Đảng ủy đặc khu	

	dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.						hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.)		
7	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID	%	≥70	≥80	≥90	≥95	≥95	Công an Đặc khu Lý Sơn	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu
8	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	50	80	100	100	100	Các Ngân hàng đóng trên địa bàn	
9	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	%	-	≥ 10	20	30	40	Viettel; VNPT Quảng Ngãi, chi Nhánh Lý Sơn	Phòng Văn hóa - Khoa học
10	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử							Phòng Kinh tế	Các phòng, ban, đơn vị đặc khu

